

# NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG LỄ NGHI Ở LÀNG NGHỀ LA PHÙ, HOÀI ĐỨC, HÀ TÂY

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

## Giới thiệu

Sau gần hai thập kỷ Đổi Mới, nông thôn Việt Nam đã chứng kiến một sự thay đổi lớn lao không chỉ ở sự cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất của người dân mà còn ở cả sự tăng cường các lễ nghi trong gia đình và cộng đồng. Hiện tượng đó đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều học giả từ nhiều lĩnh vực, trong và ngoài nước, tập trung phân tích, lý giải nguyên nhân và bản chất của nó (Lương 1993, Kleinen 1999, Malarney 1993 và 1996, Trương Huyền Chi 2000 .v.v). Có ý kiến cho rằng thịnh dư kinh tế cùng với sự cải biến về tư tưởng, văn hoá - xã hội đã tạo điều kiện cho người dân tổ chức những lễ nghi ngày càng phức tạp (Lương 1993). Một số ý kiến khác lại giải thích sự phục hồi và tăng cường các lễ nghi hiện nay là do quá trình tự khẳng định lại mình của một số cá nhân, các nhóm xã hội trong nội bộ làng xã nhằm nâng cao uy tín và ảnh hưởng của họ đối với cộng đồng địa phương (Malarney 1993 và 1996, Kleinen 1999). Trong khi đó, có nghiên cứu lại cho rằng việc tổ chức lại các lễ nghi của cộng đồng làng xã là kết quả của quá trình tăng cường khả năng thảo luận giữa các cá nhân, nhóm xã hội có quyền lợi khác nhau trong làng xã và sự tiếp tục mối quan hệ lịch sử giữa làng và nước hay chính quyền địa phương (Trương Huyền Chi 2000).

Mặc dù có sự khác nhau trong việc giải thích về sự phục hồi và tăng cường các lễ nghi ở Việt Nam hiện nay nhưng một điểm chung trong các nghiên cứu trên là phần lớn các tác giả đều cố gắng tìm hiểu phân tích xem trong quá trình biến đổi của các lễ nghi, những yếu tố nào được phục hồi, phục hồi như thế nào, phục hồi vì cái gì và

cho ai. Các kết quả nghiên cứu cho thấy các lễ nghi đều tăng mạnh từ giữa những năm 80 của thế kỷ trước, nhưng không có sự phục hồi hoàn toàn những truyền thống đã có từ trước năm 1945 mà các lễ nghi hiện nay đều trải qua một sự cải biến, tái tạo. Vấn đề đặt ra đối với La Phù và những làng nghề trù phú khác ở đồng bằng Bắc Bộ là với lối sống văn minh công - thương nghiệp và đô thị của họ hiện nay thì sự tăng cường và những biến đổi của lễ nghi trong đời sống làng xã ở đây diễn ra như thế nào? Nó có gì khác so với những làng vẫn làm nông nghiệp? Và liệu sự tăng cường các lễ nghi, phong tục ở đó có tác động gì đến sự phát triển kinh tế - xã hội của làng nghề hay không?

Để làm rõ vấn đề, chúng tôi sẽ tập trung vào một số nghi lễ diễn ra tại đình làng và chùa. Dựa trên quan điểm của Malarney (2002), chúng tôi xem các lễ nghi của cộng đồng là những dịp quan trọng để người dân thể hiện và làm tròn các bổn phận đạo đức của mình. Một khi kinh tế càng phát triển người ta càng quan tâm, chú ý đến lễ nghĩa hơn (*Phú quý sinh lễ nghĩa*). Một chủ cơ sở sản xuất hay một chủ doanh nghiệp giàu có, làm ăn giỏi trong làng sẽ bị coi là sống không có đạo đức và không được dân làng tôn trọng nếu như không thực hiện đầy đủ các lễ nghi trong phạm vi gia đình và không tham gia đầy đủ vào các lễ nghi của làng xóm, cộng đồng. Đây chính là những dịp để kiểm nghiệm các mối quan hệ làng xã và kết nối tinh thần cộng đồng của làng (Kleinen 1999: 162).

## Đôi nét về làng nghề La Phù

Nằm trong khu vực "bảy làng La, ba làng Mỗ" nổi tiếng về nghề dệt thủ công truyền thống,

La Phù là một làng nghề rất năng động của huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Từ trước thời kỳ thuộc Pháp, ngoài nghề dệt truyền thống người dân nơi đây đã tự tìm tòi, phát triển cho mình nhiều ngành nghề phụ như buôn trâu, buôn gỗ. Càng về sau này, càng có nhiều ngành nghề phụ được duy trì trong làng như dệt kim, làm nha, sản xuất bánh kẹo, làm bún, miến....Tuy nhiên, sự phát triển và lớn mạnh thật sự của làng nghề La Phù chỉ được tính đến từ những năm Đổi Mới với hai ngành nghề mũi nhọn là dệt len (dệt quần áo, mũ, tất) và làm bánh kẹo.

Nghề dệt ở La Phù đã chuyển dần theo hướng công nghiệp hoá và tập trung cho xuất khẩu. Trong làng có tới 23 công ty trách nhiệm hữu hạn và hàng chục tổ hợp sản xuất với đầy đủ các máy móc, thiết bị hiện đại. Tỷ lệ hộ gia đình làm nghề thủ công và dịch vụ trong làng chiếm đến 66%. Năm 2003, GDP của La Phù là 344,7 tỉ đồng, trong đó sản xuất công nghiệp là 280 tỉ, chiếm 81,2% (Tạ Long, Trần Hồng Yến, Nguyễn Thị Thanh Bình 2004). Sự phát triển của thủ công nghiệp ở La Phù không chỉ làm thay đổi hoàn toàn cơ cấu kinh tế truyền thống của làng quê nơi đây mà còn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động trong vùng.

Với sự phát triển mạnh mẽ của nghề thủ công và tính năng động cao trong hoạt động kinh tế, mức sống của người dân La Phù đã có những thay đổi bước ngoặt. Năm 2003, thu nhập bình quân đầu người của La Phù là 6.800.000đ/người, cao hơn cả thu nhập bình quân ở thành thị và gấp hơn hai lần thu nhập bình quân ở nông thôn nói chung<sup>1</sup>. Sự phồn thịnh của làng quê nơi đây được thể hiện rõ nét qua hệ thống nhà cửa và các tiện nghi trong các gia đình. Lối sống sinh hoạt của người dân đã phần nào mang những nét văn minh công nghiệp và đô thị nhưng đời sống lễ nghi cộng đồng và nhiều

phong tục tập quán của làng xã vẫn được duy trì và có phần được củng cố mạnh mẽ hơn so với các làng trong vùng. Cải cách kinh tế và sự phát triển của nghề thủ công đã tạo ra những chuyển biến mới trong các nghi lễ của cộng đồng so với trước. Nghiên cứu này sẽ cố gắng xem xét quá trình biến đổi nghi lễ ở đình và chùa của làng nghề La Phù qua các thời kỳ nhằm làm rõ hơn nữa mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế và sự tăng cường các lễ nghi ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

### **Các nghi lễ truyền thống ở La Phù trước Cách mạng**

Trung tâm chính của nghi lễ trong làng trước Cách mạng Tháng Tám là đình làng. Theo ý kiến của các cụ trong làng, đình ở đây xây dựng từ rất sớm nhưng đã nhiều lần bị cháy vì vật liệu dùng để làm đình bằng tranh tre nứa lá. Năm 1782 nó được xây dựng lại lần đầu tiên bằng gỗ quý, gạch lợp ngói như hiện nay. Đình La Phù thờ Tĩnh Quốc Công Đại Vương, một vị tướng có công giữ nước ở thời Hùng Vương thứ 18. Xưa kia, khi tổ tiên người La Phù khai phá dựng làng đặt tên là La Nước với hai thôn: thôn Thượng và thôn Hạ. Thôn Thượng gồm các xóm của La Phù như hiện nay, còn thôn Hạ, nay là thôn Đồng Nhân thuộc địa phận xã Đông La kề bên. Hai thôn chỉ cách nhau khoảng 1,5 km. Trước Cách mạng Tháng Tám cả hai vẫn chung một chính quyền. Cho đến năm 1948, Pháp tạm chiếm và lập làng tề thì hai thôn mới tách riêng.

Tục truyền rằng khi giặc Thực xâm lược, Tĩnh Quốc Công Đại Vương được phong làm tiên đạo tướng quân và đem quân về khu bãi sông Đáy thuộc địa phận thôn Đồng Nhân. Từ khi Ngài về lập đồn, luyện quân dân làng được yên vui, hạnh phúc hơn. Cảm tạ ơn đức của Ngài, người dân nơi đây đã xin sau này lập đền thờ Ngài và tôn vinh Ngài làm thành hoàng làng và được Ngài ứng thuận. Sau khi phá tan giặc ngoại xâm, Ngài đã hoá vào ngày 14 tháng giêng tại khu bãi ven sông. Tại đây dân làng đã lập một ngôi đền thờ Ngài gọi là Quán Cháy, hay còn gọi là đình Hạ

<sup>1</sup> Số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê cho thấy thu nhập bình quân đầu người ở thành thị năm 2002 là 625.900đ và thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn nói chung là 274.900đ (Tổng cục Thống kê 2003).

cùng với ngôi đình ở giữa làng hiện nay gọi là đình Thượng. Trong đình vẫn còn lưu giữ được 14 đạo sắc phong của các triều vua từ năm 1730 đến năm 1924.

Việc thờ phụng tế lễ ở đình trước kia rất cầu kỳ và nghiêm ngặt, diễn ra vào nhiều dịp khác nhau trong năm và do các môn và 6 giáp trong làng đảm nhiệm. Ở La Phù, các thành viên của giáp trước kia cũng chia theo bàn nhưng là 5 bàn chứ không chỉ đơn thuần là 3 bàn như các nơi khác (Nguyễn Từ Chi 2003: 294). Khi một bé trai mới sinh ra, cha mẹ cho vào giáp là ở bàn năm (bàn em út). Sau đó sẽ lên bàn tư rồi bàn ba. Khi đã ở bàn ba là người đó bắt đầu có trách nhiệm với các việc của giáp. Ở bàn ba được 4 năm thì được lên bàn nhì và sau 4 năm tiếp nữa thì được lên môn cha. Đã là môn cha được 4 năm thì theo thứ tự trước sau sẽ được làm cai đám, nuôi lợn và sửa lễ cúng thần hoàng. Các thành viên của giáp được tham gia các công việc chuẩn bị cho cúng lễ như thổi xôi, mổ lợn từ bé, cho đến khi 20 tuổi nhiều người đã được làm cai đám.

Trong năm có rất nhiều nghi lễ được tiến hành ở đình. Nhưng ngoài các lễ sóc vọng (rằm, mồng một hàng tháng) thì hội làng là nghi lễ quan trọng nhất trong năm. Ngay từ tối 13 tháng chạp người ta đã tập hợp và phân chia công việc chuẩn bị cho lễ hội tại đình. Các thành viên được chia thành 3 chiếu hay còn gọi là 3 chức vụ: quan củ, quan trọng và quan tiểu cứ. Quan củ là đại diện của môn sắc cử ra. Quan trọng là 6 người đại diện cho 6 giáp làm nhiệm vụ cai đám cho năm đó. Còn quan tiểu cứ là 24 người do 6 giáp cử ra làm nhiệm vụ trông nom, giám sát việc đình. Sau khi cất cử công việc xong, từ ngày 16 tháng chạp, 6 ông cai đám phải ăn ngủ tại đình từ đó cho đến ngày 15 tháng giêng. Họ cũng là người phải lo mua sắm các đồ lễ chuẩn bị cho các tuần tế lễ như lợn vàng thờ, mũ mã thờ, dầu hoả, pháo và lo việc thay áo mũ cho thần hoàng.

Đầu xuân năm mới, vào ngày mồng 4 tết, đình làng vang tiếng trống báo họp bàn lễ hội. Tại đây, dân làng sẽ bàn bạc và quyết định năm đó lễ hội hay hội lễ. Ngày mồng 6 là lễ nhập tiệc, nếu mở hội thì đem kiệu trông đờn và bao sái các khí tự, kiệu quạt để sáng mồng 7 rước Thánh xuống đền Hạ làm lễ phụng nghinh. Sau đó, 5 giờ chiều dân làng lại rước Thánh quay về đình vào khoảng nửa đêm tiến hành tế yên vị.

Từ ngày mồng 8 các xóm sửa lễ mừng Thánh về đình và tổ chức các trò chơi như chèo hát, đấu vật, cờ tướng, chọi gà. Từ đêm mồng 10 cho đến hết đêm 13, mỗi tối làng tổ chức 1 tuần tế, riêng ngày 14 có 2 tuần tế. Đó là do đêm 13 dân làng tổ chức rước lợn, cùng lúc đó trong đình tổ chức tế gọi là tế xác. Thông thường lễ rước lợn vào đình kết thúc vào lúc 1 giờ sáng ngày 14 và người ta làm lễ tế giỗ. Sau đó đến đêm 14 lại tổ chức tế hội đồng. Và việc tế lễ chỉ kết thúc vào chiều ngày 15 với việc tế già hay còn gọi là măn tiệc.

Có lẽ lễ rước lợn vào ngày 13 tháng giêng là một nghi lễ rất đặc sắc và độc đáo của lễ hội La Phù. Việc trang trí cho lợn rước rất cầu kỳ. Lợn mổ xong phải để cả con. Người ta xếp lợn nằm trên một chiếc chõng cao khoảng 1m20 rồi lấy mỡ cây của lợn trùm kín từ đầu xuống đến lưng. Phía đầu lợn phải đóng một thang ngang cao, sao cho đầu lợn ngẩng cao hơn mình. Sau đó cắt giấy màu làm thành mũ dán trên trán, hoa dán lên tai và mũi của lợn sao cho đẹp. Việc rước lợn được tiến hành vào buổi tối, ánh sáng của đèn và đuốc lại càng khiến cho buổi rước trở nên rất đẹp.

Theo tục lệ, khi làm thịt lợn người ta bắt buộc phải lấy một ít lông mao của lợn và một ít tiết đặc gói lại để vào trong một ngọn đuốc nhỏ để vào chõng rước lợn ra đình. Trong buổi tế, khi đông tán xương phế mao huyết, các ngọn đuốc của các giáp đều được đốt lửa dâng lên, một hành động trình với Đức Thành Hoàng rằng lợn của họ là lợn lành và khoẻ. Sau đó các bó đuốc

được đem ra ném xuống ao cửa đình. Từ xưa đến nay, làng đều có lễ thi trong buổi rước. Lợn của giáp nào hay xóm nào đẹp nhất thì được thưởng. Phần thưởng chỉ là một ít chè và thuốc lá nhưng nó luôn là mong muốn của tất cả người dân các xóm và thu hút sự quan tâm của mọi người tham gia lễ hội.

Bên cạnh lễ hội trên, hội chùa cũng là một lễ hội quan trọng trong đời sống lễ nghi cộng đồng ở La Phù. Trước năm 1948, La Phù có 4 ngôi chùa: Thiên Hưng Tự (hay còn gọi là chùa Tổng), Trung Hưng Tự (chùa Cả), Quang Lộc Tự (chùa Độc) và Kim Lân Tự (chùa Bãi). Kim Lân Tự thuộc địa phận thôn Đông Nhân nên kể từ khi thôn này bị tách khỏi La Phù về mặt hành chính năm 1948, mọi sinh hoạt tín ngưỡng thờ Phật của người dân trong làng tập trung chủ yếu vào 3 ngôi chùa còn lại. Thiên Hưng Tự là một ngôi chùa khá lớn trong vùng được xây dựng từ thời Lý, thờ Tam Vị Thánh Tổ: Đức Từ Đạo Hạnh, Đức Nguyễn Minh Không và Đức Giác Hải. Có hai ngôi chùa của 2 làng bên cạnh là chùa Múa (làng La Dương) và chùa Văn (làng Ngãi Cầu) đều cùng thuộc tổng Yên Lũng với La Phù trước kia cũng thờ ba vị Thánh tổ, vì vậy vào ngày 8 tháng 3 âm lịch hàng năm cả ba làng cùng tổ chức rước Thánh. Trong ngày này, người ta tổ chức rước sắc phong từ chùa Cả lên chùa Tổng và dâng sắc phong vào chùa rồi tổ chức tế lễ. Các gia đình thường sửa lễ lên chùa và nhiều trò chơi cũng được tổ chức trong lễ hội.

Năm 1947 hưởng ứng lời kêu gọi tiêu thổ kháng chiến của chính quyền Cách mạng, ngôi chùa Tổng đã bị phá bỏ để ngăn ngừa quân Pháp chiếm chùa làm đồn bốt. Kể từ đó dân làng đã rước 3 vị Thánh tổ về chùa Cả để thờ. Hàng năm, ngoài các lễ tiết rằm mồng một hàng tháng, các ngày lễ của đạo Phật, nghi lễ của chùa còn tập trung vào dịp tháng chạp, tết, hội làng và hội chùa. Đây là những dịp người dân trong làng cùng đóng góp công sức, tiền của cho các nghi lễ thờ Phật Thánh.

## Những biến đổi trong thời kỳ chiến tranh và hợp tác hoá nông nghiệp

Những lễ hội tại 6 nơi thờ cúng của làng trên cho thấy trước kia người dân La Phù rất coi trọng các nghi lễ và tín ngưỡng cộng đồng. Các lễ hội đó đóng vai trò thật sự quan trọng trong đời sống làng xã trước Cách mạng. Tuy nhiên trong thời kỳ chiến tranh và hợp tác xã, những nghi lễ này đã bị mai một đi rất nhiều. Từ năm 1945 cho đến năm 1953, La Phù không tổ chức rước thần hoàng. Năm 1954, dân làng tổ chức được một lần rước và năm 1956 là lần rước cuối cùng trước khi bắt đầu bước vào thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp. Do điều kiện chiến tranh loạn lạc và kinh tế khó khăn, trong những năm đó người dân chỉ tổ chức rước lệ, không có tế lễ, không có rước lợn mà chỉ có lễ gà để dâng Thánh.

Không giống như Cách mạng văn hoá ở Trung Quốc, sau khi giành được chính quyền, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ quan tâm đến việc xây dựng nếp sống mới, hay còn gọi là đời sống mới ở cấp cơ sở. Chiến dịch thực hiện nếp sống mới được bắt đầu từ ngày 3 tháng 4 năm 1946 với sự thành lập Ban Trung ương vận động đời sống mới. Tuy nhiên chiến dịch này chỉ được thực hiện ở một số rất ít địa phương trong thời gian đầu. Mãi cho đến cuối năm 1954, nó mới được thực hiện trên quy mô toàn quốc (Malarney 2002: 61). Trong thực tế, chính quyền Cách mạng chỉ cấm hoàn toàn một số nghi lễ tại đình làng như tế lễ và những hoạt động mê tín về cõi âm như gọi hồn, cúng bái. Những nghi lễ khác vốn được coi là thuần phong mỹ tục của dân tộc thì được giữ nguyên hoặc được cải biến.

Chính bởi sự xuất hiện của chiến dịch vận động trên nên năm 1954 là thời điểm tổ chức lễ hội truyền thống cuối cùng của nhiều làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhiều ý kiến cho rằng với sự hình thành và lớn mạnh của các hợp tác xã nông nghiệp vào những năm đầu thập niên 60, sự can thiệp của chính quyền các địa phương đối với tín

ngưỡng và các hoạt động tôn giáo mới thực sự bắt đầu mạnh hơn những năm 50 (Endres 2001: 80). Đình chùa bắt đầu được sử dụng làm trụ sở hợp tác xã, nhà văn hoá hoặc nhà kho. Ở một số nơi do cán bộ địa phương thực hiện các chủ trương chính sách một cách quá cứng nhắc, thái quá nên tượng phật, các đồ thờ cúng của đình chùa bị đem ra đập phá hoặc đốt.

Tại La Phù, khu vực đình trung được sử dụng để làm trụ sở hợp tác xã và kho chứa sợi. Tuy nhiên, phía hậu cung vẫn được giữ nguyên. Các sân chùa được trưng dụng làm nơi phơi lúa, phơi rom và buộc trâu nhưng phía trong chùa vẫn được bảo vệ. Không có hiện tượng xâm phạm các di tích ở La Phù trong thời kỳ này. Giải thích cho hiện tượng này, nhiều người dân cho rằng đó là do người dân ở đây sùng bái thần phật. Những câu chuyện về sự linh thiêng của các ngôi đình, ngôi chùa làm cho người dân không dám đụng tới hay phá hoại chúng (Malarney 2002: 93). Ngay cả các cán bộ chính quyền lúc đó cũng tin vào điều ấy vì trong chiến tranh nhiều cán bộ Việt Minh ẩn trú trong đình chùa đã tránh được sự vây bắt của quân Pháp.

Sự tôn trọng các di tích lịch sử của chính quyền được thể hiện phần nào ở việc duy trì ruộng đình, ruộng chùa. Sau cải cách ruộng đất, chính quyền La Phù đã để lại cho đình 3 sào và cho chùa 2 sào ruộng để cày cấy và nhà sư tiếp tục đèn hương. Khi tổ chức món, giáp bị xoá bỏ, các lễ sóc vọng hàng tháng ở đình được phân cho các xóm, mỗi xóm chịu trách nhiệm 4 kỳ.

Trong những năm 60 thế kỷ trước, dân làng vẫn duy trì được các lễ tế giỗ thành hoàng mặc dù lễ vật chỉ đơn giản bằng xôi gà, oản quả. Các cụ bà vẫn lên chùa lễ nhưng không có hoặc rất ít lễ lạt đi kèm.

Việc lễ bái thực sự bị bỏ bê vào những năm 70 khi đi kèm với chiến dịch vận động nếp sống mới là chiến dịch vận động xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa mà mục tiêu của nó cũng là

ngăn ngừa sự trở lại của các phong tục lạc hậu và mê tín dị đoan. Những cố gắng đó đã tạo ra sự phá vỡ cấu trúc xã hội cũ và thay thế bằng các chức năng chính trị của lễ nghi. Đình với tư cách là nhà văn hoá là nơi diễn ra các đám cưới tập thể. Cũng tại đây, những cuộc tổng kết các cuộc thi sản xuất giỏi và những cuộc mít tinh phát động xã viên hoàn thành vượt mức trong các vụ mùa tiếp theo thay thế cho các lễ hội hàng năm (Endres 2001: 81). Nhắc đến giai đoạn này, người dân thường gọi là thời 'thịt lợn bóp mũ'<sup>2</sup>. Chủ trương tiết kiệm, lành mạnh trong đời sống văn hoá của các gia đình, cộng đồng làm hạn chế đến mức thấp nhất các chi phí của người dân cho các lễ nghi.

Hơn thế nữa, tất cả người dân trong làng đều cho rằng ở thời điểm đó ai cũng phải lo làm công điểm hợp tác xã để đảm bảo bữa ăn cho gia đình nên không ai quan tâm đến lễ bái. Có ý kiến còn cho rằng: "Lúc đó [thời hợp tác xã] dân khổ, đói khát thì nghĩ gì đến lễ bái. Cái tâm thì có nhưng lực thì không." (phỏng vấn ông H.Q ở xóm Tiền Phong). Khủng hoảng kinh tế những năm cuối 70 đè nặng lên cuộc sống của người dân đến nỗi họ không quan tâm đến chùa chiền và sư sãi. Các nhà sư ở La Phù không những không có gạo để nấu oản dâng phật ngày rằm mồng một mà ngay cả gạo để ăn cũng không có. Một nhà sư trụ trì chùa Quang Lộc Tự đã bán một phần đất chùa mà người dân cũng không hề biết.

Bước sang những năm đầu 80, chiến tranh đã chấm dứt và đời sống của người dân phần nào được cải thiện nhờ chính sách khoán 100, ban hành năm 1981. Bắt đầu từ đây, việc tế lễ ở đình được khôi phục. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế của người dân vẫn còn khó khăn nên những khi

<sup>2</sup> Thực hiện chỉ thị nếp sống mới, việc tổ chức ăn uống cỗ bàn bị hạn chế rất nhiều. Ngoài ra, người dân cũng phải có nghĩa vụ chăn nuôi với nhà nước thể hiện qua việc bán sản phẩm chăn nuôi cho nhà nước theo định mức. Chính vì vậy, những khi người dân có việc cần mổ lợn thì phải mổ một cách bí mật, tránh để lợn kêu gây sự chú ý của chính quyền.

tổ chức tế thành hoàng ở một số xóm người dân cùng rủ nhau góp tiền mua lợn sữa lễ dù rằng rất nhỏ, chừng 20kg; còn nhiều xóm khác chỉ có thể mua được lễ vật bằng chè oản. Vào thời gian này, các hợp tác xã trong làng bắt đầu ủng hộ việc tế lễ bằng một số vật chất nhất định như thóc, thịt, dầu đèn. Sự phục hồi hoàn toàn lễ tế và rước lợn 13 tháng giêng hàng năm ở La Phù chỉ thực sự bắt đầu sau khi có cơ chế thị trường.

### Sự phục hồi của các lễ nghi sau cải cách kinh tế

Việc phục hồi và duy trì các nghi thức ở đình được củng cố bằng việc thành lập Ban Khánh tiết của làng vào năm 1985. Các cụ trong làng tham gia ban này đều đóng mỗi người 10kg thóc để cho vay lấy lãi chi tiêu cho việc tế ở đình ngày 13 tháng giêng và hội chùa ngày 8 tháng 3 hàng năm. Nhưng sự phục hồi thực sự mạnh mẽ phải là từ những năm 90 khi hàng loạt các công trình kiến trúc đình chùa được tu sửa, xây dựng lại. Đây là lúc kinh tế làng nghề của La Phù đã thực sự có nhiều chuyển biến mới. Đời sống của đại bộ phận các hộ gia đình trong làng đã khá hơn trước.

Trong khi lý giải hiện tượng phục hồi của các lễ nghi, ý kiến thảo luận của các nghiên cứu được chia thành hai nhóm chính: một bên khẳng định tính quyết định của đời sống kinh tế đối với nghi lễ, một bên nhấn mạnh nhiều hơn đến tác động của chính sách mở cửa của Nhà nước đối với vấn đề tôn giáo tín ngưỡng và sự hình thành các không gian xã hội trong cộng đồng làng xã mà ở đó các cá nhân có thể đưa ra các quyết định của mình. Nghiên cứu này cho rằng cả hai yếu tố trên đều là cơ sở cho sự phục hồi các lễ nghi gần đây. Tuy nhiên, thực tế ở La Phù và nhiều nơi khác đã cho thấy sự cải thiện về mặt đời sống kinh tế được xem như là yếu tố tiền đề cho quá trình đó.

Vào những năm cuối thập niên 70, đầu 80 khi một số lễ nghi đình chùa được hồi sinh, vẫn chưa

có các quy định hay hướng dẫn chính thức nào của Nhà nước về việc tổ chức các lễ hội. Ở nhiều địa phương, người ta đã "phá rào" một cách tự phát và thậm chí ở những nơi chính quyền vẫn còn duy trì việc cấm đoán tổ chức lễ bái, người dân đã tổ chức các lễ hội một cách bí mật (Trương Thìn 1993, trích trong Endres 2001: 86-87). Và như vậy nhu cầu phục hồi các nghi lễ được hình thành từ điều kiện kinh tế khá hơn trước đã tạo ra sức ép buộc chính quyền các cấp phải thay đổi chính sách về tín ngưỡng và việc quản lý các công trình văn hoá và lễ hội.

Như đã trình bày ở trên khi nghiên cứu vấn đề hồi phục các lễ nghi người ta thường quan tâm đến vấn đề ai phục hồi và phục hồi như thế nào. Nghiên cứu về Thịnh Liệt (Hà Nội) của Malarney (2003) cho thấy các cụ bà đóng vai trò khá quan trọng trong các việc làng còn nghiên cứu của Endres (2001) ở làng đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh) cho thấy nữ giới đóng vai trò chăm lo cho các nghi lễ ở gia đình hơn là cộng đồng. Sự phục hồi nghi lễ ở La Phù lại cho chúng ta thấy một bức tranh chi tiết hơn về vai trò của giới.

Nếu như các cụ ông ở La Phù là những người đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục lại được các lễ sóc vọng và lễ tế ở đình làng thì các cụ bà lại là người có công trong việc khởi xướng đòi đất và xây dựng lại chùa. Như đã trình bày ở trên, chùa Tổng của La Phù bị phá huỷ vào năm 1947 do tiêu thổ kháng chiến. Kể từ đó một số hộ dân xung quanh và nhiều cơ quan nhà nước đã sử dụng hầu hết hơn 3 mẫu Bắc Bộ diện tích đất chùa để làm trụ sở. Dấu vết ngôi chùa chỉ còn trơ lại một nền đất hoang xung quanh là cây cỏ mọc um tùm. Vào năm 1990, khi đi lễ ở chùa Cả, một cụ bà lớn tuổi trong làng tình cờ rủ một số người khác đi lên lễ chùa Tổng. Mười sáu cụ bà cùng nhau mang lễ tìm lại nền chùa cũ để lễ Phật. Cũng bắt đầu từ đây một ý tưởng phải xây dựng lại chùa được hình thành trong suy nghĩ của họ.

Cuộc hành trình đi đòi đất chùa của các cụ diễn ra rất quyết liệt trong 2 năm. Lúc đầu các cụ vừa làm đơn gửi đi tất cả các cấp chính quyền ban ngành của tỉnh, huyện vừa tự xây dựng một gian miếu nhỏ trên nền đất chùa cũ để cúng bái. Ở giai đoạn đầu đó, họ vấp phải sự phản ứng quyết liệt của các cơ quan đóng trên đất chùa và sự khước từ của các cấp chính quyền. Trong khi đó đại bộ phận người dân lúc này chưa quan tâm nhiều đến tín ngưỡng, còn các cụ ông thì sợ bị liên lụy đến chính quyền nên không dám tham gia. Về sau, một cụ ông là người rất thông thạo về đường đi lối lại và am hiểu về đơn từ, lý lẽ đã giúp các cụ bà làm đơn từ và dẫn các cụ đi tới các cơ quan chức năng. Ông thậm chí còn tìm đến những nhà nghiên cứu có tiếng và có ảnh hưởng trong ngành văn hoá để tìm đến sự giúp đỡ. Sự bài bản trong cách làm của ông còn thể hiện ở chỗ ông đã lập được hồ sơ di tích chùa Tổng để trình lên chính quyền các cấp.

Trong giai đoạn sau này, một mặt các cụ thường xuyên thuê xe ô tô đi lên Trung ương, tỉnh để đề nghị lãnh đạo các cấp giải quyết sự vụ, mặt khác họ cũng thường xuyên gây sức ép đối với lãnh đạo, nhân viên các cơ quan đóng trên đất chùa để buộc họ phải di chuyển. Chi phí cho các hoạt động đi lại ăn ở đều do các thành viên tham gia tự trang trải. Nhiều người dân cho rằng những việc làm đó là điều không thực tế, còn chính quyền địa phương cũng không đồng tình với việc kiện tụng gây ảnh hưởng đến thành tích của xã. Chính vì vậy những người tham gia đòi đất chùa lúc đó phải chịu sức ép rất nhiều từ chính quyền và ngay cả những người trong làng và người thân.

Tuy nhiên, trước sự bền bỉ và quyết liệt của các cụ và xét những giá trị lịch sử văn hoá của ngôi chùa Tổng cũ, chính quyền các cấp đã ra quyết định cấp đất cho việc xây lại chùa. Chính những người trong cuộc và người dân trong làng cũng không tin nổi rằng họ đã di chuyển được cả một trụ sở của ngân hàng huyện và một trường

đạy nghề ra khỏi diện tích 1400 m<sup>2</sup> đất. Lúc này các cụ ông và nhiều người dân trong làng mới bắt đầu vào cuộc.

Năm 1992, việc xây dựng lại chùa Tổng được tiến hành. Đây là một sự kiện lớn trong làng xã đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của các lễ nghi trong làng. Cần phải khẳng định rằng trước đó nhiều người dân, đặc biệt là những người ở độ tuổi trung niên và thanh niên còn mải mê với làm nghề, phát triển kinh tế và còn thờ ơ với những hoạt động nghi lễ của cộng đồng. Các cụ trong làng đã tổ chức họp dân, phát động người dân hưởng ứng việc xây chùa. Họ đã khích lệ giới trẻ trong làng bằng cách nhấn mạnh đến công lao xây đắp của thế hệ ông cha từ những lúc còn nghèo nàn, cực khổ và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc duy trì, phát triển các công trình văn hoá lịch sử của làng khi điều kiện kinh tế đã khá giả. Từ đó, sự đóng góp vật chất của người dân đối với việc tu bổ đình chùa ngày càng lớn.

Từ năm 1992 đến năm 1995, người dân đã tự nguyện góp để sửa chùa Tổng chi phí hết 500 triệu đồng. Năm 1996, dân làng lại sửa chùa Độc với chi phí 300 triệu đồng và năm 1998 sửa chùa Cả hết 500 triệu đồng. Năm 2003, đình làng được sửa hết 200 triệu đồng. Không chỉ đóng góp tiền xây dựng mà các hộ dân còn công đức các đồ trang trí và tế tự. Nếu như trước năm 1900, đình làng La Phù chỉ có một câu đối gián giấy, năm 1901 mới có một đôi câu đối bằng gỗ sơn son thiếp vàng đầu tiên thì gần đây, sau một thời gian ngắn phát động, đình làng La Phù đã nhận được 20 đôi câu đối, mỗi câu đối trị giá khoảng 2 triệu đồng từ các hộ gia đình đăng ký công đức. Riêng trường hợp đôi câu đối chung do xóm Minh Khai ủng hộ được dát bằng vàng với trị giá hơn 10 triệu đồng.

Ngoài tiền mặt và vật chất đóng góp cho việc xây dựng đình chùa, hầu hết các hộ dân cũng đóng góp về nhân lực phục vụ cho công việc đó. Tuy nhiên, do bận rộn với việc làm nghề nên chỉ

những người lớn tuổi trong làng mới trực tiếp tham gia lao động xây dựng đình chùa, còn hầu hết các hộ gia đình phải thuê mướn nhân công ngoài làng để đóng góp lao động cho làng.

Những gì diễn ra ở La Phù nói riêng và ở các địa phương khác nói chung thường dễ khiến nhiều người tự hỏi tại sao khi kinh tế phát triển người dân không dùng tiền kiếm được vào đầu tư cho cơ sở hạ tầng của địa phương mà lại sẵn lòng cung tiền tiêu của, công sức cho các lễ nghi? Câu trả lời ở đây rằng chắc họ phải có lý do cho sự lựa chọn của mình. Sự phát triển kinh tế có thể gây ra những nguy cơ mất mát về mặt tình cảm, đạo đức hay bản sắc văn hoá khiến cho người ta phải dừng một phần tiền kiếm được để gìn giữ hay níu kéo những điều đó.

Theo quan niệm chung của tất cả người dân ở đây, công đức là phát tâm để lấy phúc đức, công đức giống như "của để dành" cho nên họ sẵn sàng và tự nguyện tham gia. Không có sự phân biệt giữa người công đức nhiều và công đức ít. Các cụ già và các hộ kinh tế còn eo hẹp rất vui và phấn khởi khi được đóng góp phần nhỏ bé của mình dù chỉ là vài chục ngàn đồng cho việc làng. Còn đối với các hộ khá giả, các chủ kinh doanh trẻ có khả năng công đức hàng triệu đồng hay hàng chục triệu đồng thì việc công đức lại mang ý nghĩa thể hiện danh tiếng của mình trong làng xã.

*"Có người coi việc làng như là việc của mình. Có người lại coi đó là việc chung nên chỉ tham gia ở một mức độ nhất định. Những người có điều kiện kinh tế khá giả thì tham gia với trách nhiệm cao hơn, ủng hộ nhiều hơn. Họ bỏ tiền ra công đức, ngoài cái tâm ra cũng là để mua tiếng thơm"* (phỏng vấn anh P., một chủ sản xuất bánh kẹo lớn ở xóm Thống Nhất).

Cùng với việc tu sửa đình chùa, các lễ hội ở La Phù cũng được phục hồi vào đầu những năm 90. Ngày nay, lễ hội đình làng được tổ chức với thời gian ngắn hơn, tập trung chủ yếu vào một số

lễ tế chính. Do quy định chung của chính quyền nên cứ 5 năm một lần làng lại tổ chức rước Thành Hoàng làng vào ngày mồng 7 tháng Giêng. Lễ hội được dân làng nhiệt tình hưởng ứng tham gia. Chi phí cho lễ hội thường tốn khoảng 30 triệu đồng, phần lớn đều do người dân đóng góp. Hơn thế nữa, thanh niên các xóm thường tự tổ chức quyên góp để mua pháo bông đốt trong lễ hội, chi phí cũng hết khoảng vài chục triệu. Ý thức về việc thờ phụng thành hoàng làng cũng như trách nhiệm với việc làng của người dân còn được thể hiện ở việc tham gia đầy đủ vào các vị trí, vai trò của mình trong lễ hội, như ban tổ chức, quân kiệu, lễ tân.v.v.

Trước kia làng có 6 giáp và mỗi giáp phải cử ra một người cai đám để nuôi lợn từ đầu năm trước. Hiện nay, việc rước lợn được phân chia theo xóm. Trong làng có 11 xóm nhưng một số xóm có dân số đông lại tự chia thành hai lễ nên có tất cả 16 lễ lợn tham gia buổi rước. Nếu như trước kia lợn rước chỉ khoảng vài chục kg thì ngày nay các xóm đua nhau mổ lợn rước hơn 100, gần 200kg. Vì điều kiện bận rộn làm nghề nên ngày nay người ta ít nuôi được lợn tẻ như trước mà thường là phải đi tìm mua. Sự chuẩn bị công phu, không khí náo nhiệt của buổi rước lợn ở La Phù hiện nay vẫn tạo ra một nét độc đáo trong lễ hội ở đây. Và đây cũng là niềm tự hào của người La Phù về tục lệ cổ truyền của họ cũng như quy mô hoành tráng và sự đông đúc trong lễ hội của họ. Ngoài ra, nhiều trò chơi, hình thức văn nghệ cũng được tổ chức từ ngày mồng 7 cho đến ngày 13 thu hút nhiều dân làng tham gia khiến cho bầu không khí cộng đồng làng xã càng trở nên thân thiết.

Đối với người dân, lễ hội làng là dịp để tâm linh họ hướng về cội nguồn ông bà tổ tiên. Nếu như ở đầu đó vẫn có ý kiến phản nản về việc các lễ hội làng tổ chức linh đình, lãng phí thời gian và tiền bạc (Endres 2001: 95, Trương Huyền Chi 2000: 36) thì ở La Phù rất khó để có thể tìm thấy

ý kiến nào như vậy ở tất cả các tầng lớp xã hội, giới tính, độ tuổi. Các cụ già và những người có trách nhiệm tổ chức lễ hội chỉ cảm thấy lo lắng vì trách nhiệm công việc đối với họ rất nặng nề trong khi tuổi của họ đã cao. Còn giới trẻ luôn hào hứng với lễ hội, họ luôn thúc giục người già phải tổ chức lễ hội thường xuyên hơn và mong muốn lễ hội của làng phải được tổ chức linh đình, hoành tráng.

Đứng trước thực tế đó và đảm bảo việc lưu truyền, duy trì các lễ nghi một cách đầy đủ, đúng chuẩn mực, gần đây các cụ trong làng đã tổ chức ra một hội tế mới. Năm 2004, họ đã vận động được 53 nam giới ở độ tuổi 40-50 vào hội để tập tế lễ, từng bước đảm nhiệm các việc lễ hội trong làng. Đây thực sự là một sáng tạo của người dân trong tình hình mới. Nếu như trước kia việc tham gia vào giáp từ nhỏ giúp cho nam giới trong làng sớm học hỏi các lễ nghi và sớm đảm nhiệm được các trọng trách của việc làng từ độ tuổi 20 thì ngày nay trong điều kiện mới, ai ai cũng bận rộn, mải mê với việc làm nghề, kiếm tiền, người ta phải lưu truyền nó bằng hình thức đơn giản và tiện lợi hơn.

Ngoài hội đình kể trên, ngày nay hội chùa La Phù vào dịp 8 tháng 3 hàng năm cũng được tổ chức thường xuyên. Tuy nhiên, việc rước Thánh trong lễ hội không được quy định cụ thể vì việc đó liên quan đến sự phối hợp với 2 làng bên, những làng cùng thờ ba vị Thánh với La Phù. Nhưng ngay cả những năm chỉ tổ chức hội lệ thì hầu hết các gia đình trong làng đều sửa lễ ra chùa và làng cũng mở hội với nhiều trò chơi, hoạt động văn nghệ.

Nếu như trước kia, việc đi lễ chùa rằm, mồng một chỉ diễn ra đối với các cụ bà thì ngày nay phụ nữ trẻ tuổi và trung niên cũng thường xuyên đi lễ chùa hàng tháng. Chính vì vậy, nhiều ý kiến cho rằng lớp trẻ ngày nay còn sùng lễ bái hơn thế hệ người lớn tuổi trước kia. Điều kiện kinh tế khá giả cũng khiến cho nhiều cụ bà trong làng

thường xuyên đi tham quan, lễ bái ở các chùa khác. Những khi các chùa trong vùng được tu bổ, xây dựng họ cũng tổ chức quyên góp công đức.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết các ý kiến trong làng đều khẳng định rằng La Phù là nơi từ xưa người dân đã mộ đạo, siêng năng lễ bái hơn các làng khác trong vùng. Họ cho rằng có được điều đó là do một phần truyền thống con người nơi đây rất có tâm và một phần là do họ có nghề nghiệp và có đời sống khá giả hơn các làng khác. Đối với người dân, việc hướng đến tâm linh, lễ bái là một sự tiếp nối truyền thống và có giá trị trao truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ. Đặc biệt trong điều kiện làng nghề sự cạnh tranh là điều không tránh khỏi, việc mọi người dân cùng hướng đến cội nguồn, tâm linh, cùng chung vai gánh vác việc làng sẽ giúp cho tình cảm con người tốt đẹp hơn.

*"Làm việc đạo là để con cháu noi theo, hướng cho con cháu cũng có tâm linh giống như các thế hệ trước. Đã là làm việc đạo thì không mất đi đâu cả mà con cháu sẽ ngoan hơn, tốt hơn, sống có đạo đức hơn"* (phỏng vấn bà H.K, một người lớn tuổi ở xóm Thống Nhất, La Phù).

*"Quan tâm nhiều đến tâm linh, coi trọng lễ nghi sẽ giúp con người ta hướng thiện, hướng tới cuộc sống có đạo đức, tình cảm tốt đẹp hơn"* (phỏng vấn anh Q., một thanh niên trẻ ở xóm Trần Phù, La Phù).

Ngoài ra, việc cùng có trách nhiệm tham gia việc làng hay cùng đi lễ bái đình chùa là những dịp để người dân thể hiện bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với tổ tiên và cộng đồng. Thông qua những dịp đó, người dân trong làng có điều kiện để củng cố hơn tình cảm làng xã của mình. Cùng với việc duy trì, phục hồi các lễ nghi của cộng đồng, họ muốn khẳng định rõ hơn bản sắc riêng của làng quê mình, từ đó tiếng tăm về nghề nghiệp phát triển của họ sẽ bay xa cùng với những nét đẹp về văn hoá, tâm linh.

## Kết luận

Những gì đang diễn ra ở La Phù cho thấy sự tăng trưởng kinh tế thị trường không đi cùng với việc từ bỏ các giá trị và chuẩn mực truyền thống của cha ông để lại. Những khuôn mẫu văn hoá truyền thống trong các lễ hội, nghi lễ của làng xã có một giá trị định hướng cho các hoạt động văn hoá của cộng đồng. Qua đó, những chuẩn mực về việc ứng xử trong làng xã được người dân thể hiện cho thấy đây là một xã hội có trật tự, lễ nghĩa và sự cố kết cộng đồng có phần mạnh mẽ hơn cả những làng thuần nông trong vùng. Việc bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống là yếu tố đảm bảo cho việc duy trì bản sắc văn hoá và sự gắn kết cộng đồng trong làng xã. Hơn thế nữa, điều này lại trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển của làng nghề nhờ tính cộng đồng trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại, cũng như những làng quê khác xung quanh, người dân La Phù cũng đang phải dung hoà những giá trị văn hoá truyền thống của mình với những ảnh hưởng mạnh mẽ của lối sống hiện đại.

Thực tế đã cho thấy việc phát triển kinh tế đồng thời với sự bảo lưu các giá trị, chuẩn mực văn hoá truyền thống đã giúp cho La Phù trở thành một làng giàu có nhưng con người nơi đây vẫn giữ được nề nếp cũ, những bản chất tốt đẹp của người dân nông thôn Việt Nam. Và quan trọng hơn nữa là họ cũng hạn chế được những tác động tiêu cực của xã hội lên cộng đồng làng xã của mình, điều mà chúng ta thường gặp ở nhiều gia đình sản xuất, kinh doanh ở cả thành phố và các vùng nông thôn khác. Tuy nhiên, mặt trái của những gì đang diễn ra ở La Phù và nhiều địa phương khác bắt nguồn từ quan niệm "phú quý sinh lễ nghĩa" cũng là một vấn đề cần quan tâm, nghiên cứu sâu hơn.

## Tài liệu tham khảo

Endres, Kirsten. *Local Dynamics of Renegotiating Ritual Space in Northern*

*Vietnam: The Case of the Dinh*. SOJOURN Vol. 16, No 1 (2001), pp 70-101.

Kleinen, John. *Facing the Future, Reviving the Past: A Study of Social Change in a Northern Vietnamese Village*. Institute of Southeast Asian Studies, 1999.

Lê Hồng Lý (chủ biên). *Văn hoá truyền thống làng Đông Kỵ*. Viện Văn hoá dân gian. Hà Nội, 2000.

Luong Văn Hy. "Cải cách kinh tế và sự tăng cường lễ nghi ở hai làng miền Bắc Việt Nam, 1980-90". Trong: *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương*, Borje Ljunggren (chủ biên). Harvard University, 1993.

Malarney, Shaun Kingsley. *Ritual and Revolution in Vietnam*. Unpublished Ph.D dissertation. University of Michigan.

----. 'The Emerging Cult of Ho Chi Minh? A Report on Religious Innovation in Contemporary Northern Vietnam'. *Asian Cultural Studies* 22 (1996), pp 121- 131.

----. *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam*. University of Hawaii Press. Honolulu, 2002.

Nguyễn Tử Chi. *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*. NXB Văn hoá dân tộc, Tạp chí Văn hoá-Nghệ thuật. Hà Nội, 2003.

Tạ Long, Trần Hồng Yến, Nguyễn Thị Thanh Bình. *Sự phát triển của làng nghề La Phù dưới góc nhìn kinh tế, xã hội và văn hoá*. Báo cáo đề tài cấp Viện. Viện Dân tộc học. Hà Nội, 2004.

Trương Huyền Chi. *Village affairs: The re-making of communal identity through the intensification of rituals in a northern Vietnamese village*. Paper presented at the annual meeting of the Association for Asian Studies, March 21-25, Chicago.